TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 4 – 2019
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Thái Văn Trung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 968/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P (Lê Minh P), sinh năm: 1973. (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Anh Liêu Văn D, sinh năm: 1981 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1958. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã TLĐ, huyện TB, tỉnh C.

2/ Chị Tăng Mỹ Dg, sinh năm: 1973. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

3/ Chị Phan Hồng H, sinh năm: 1975. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp XM, xã Th, huyện R, tỉnh B1.

4/ Chị Trần Thị Thu P1, sinh năm: 1980. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

5/ Chị Trần Kim T1, sinh năm: 1981. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

6/ Anh Liêu Đăng K, sinh năm: 1994. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã AX, thành phố C, tỉnh C.

7/ Ngân hàng TMCP TV. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 89, LH, quận Đ, thành phố H.

NỘI DG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Lê Thị P trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Liêu Văn D chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị và anh D bất đồng quan điểm. Anh D thường đánh chị vô cớ mỗi khi anh D say rượu; anh D bực tức với quá khứ của chị việc chị đã có chồng và có con riêng trước khi làm vợ anh D. Cha mẹ hai bên gia đình có hòa giải cho chị và anh D nhiều lần. Anh D có hứa sẽ sửa đổi nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2000 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung là Liêu Kim H3, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên chị P không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng; Liêu Nhật H1, sinh ngày 17/12/2004. Hiện các con đang sống chung với chị và anh D. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi Liêu Nhật H1, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Liêu Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh D có nợ chung gồm:

+ Nợ Ngân hàng TMCP TV số tiền 20.000.000đ vốn và khoản tiền lãi phát sinh. Chị P không nhớ thời gian vay. Người đứng vay là Liêu Đăng K (con riêng của chị). Khoản nợ này chị đã thanh toán xong cho Ngân hàng vào ngày 15/4/2019 theo thông báo của Ngân hàng.

+ Nợ tiền hụi chết phải đóng cho chủ hụi hàng tháng, gồm các chủ hụi sau:

Bà Ngô Thị N 02 chưng hụi, loại hụi 1.000.000đ/chưng. Chị P đã hốt hụi. Tính đến ngày 08/01/2019 chị còn phải đóng hụi chết cho bà N mỗi tháng 1.000.000đ/chưng, trong đó một chưng còn phải đóng 07 kỳ, một chưng còn phải đóng 16 kỳ.

Chị Trần Kim T1 02 chưng hụi, loại hụi 1.000.000đ/chưng; 01 chưng hụi loại hụi 500.000đ/chưng. Chị đã hốt hết 03 chưng hụi này. Tính đến ngày 08/01/2019 thì chưng hụi 500.000đ chị còn phải đóng hụi chết 14 kỳ, mỗi kỳ 500.000đ; Chưng hụi 1.000.000đ chị còn phải đóng hụi chết 12 kỳ, mỗi kỳ 1.000.000đ.

Chị Tăng Mỹ Dg 01 chưng hụi, loại hụi 500.000đ/chưng. Chị đã hốt hụi. Tính đến ngày 08/01/2019 chị còn phải đóng hụi chết 10 kỳ, mỗi kỳ 500.000đ.

+ Nợ chị Trần Thị Thu P1 số tiền 2.000.000đ.

+ Nợ chị Phan Hồng H (dịch vụ cầm đồ Hồng H) số tiền 9.000.000đ. Anh Liêu Văn D đã cầm chiếc xe máy biển số kiểm soát 69C1-07583 do con của chị là Liêu Đăng K đứng tên chủ sở hữu để vay số tiền này. Hiện chị đã trả chị H số tiền 9.000.000đ và đã nhận lại xe trên.

Khi ly hôn, chị P yêu cầu anh D chịu trách nhiệm thanh toán ½ khoản nợ hụi bà Ngô Thị N và chị Tăng Mỹ Dg. Đối với khoản nợ chị Trần Thị Thu P1 và Trần Kim T1, chị nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ. Đối với số tiền chị đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TVvà dịch vụ cầm đồ Hồng H, chị không có yêu cầu gì.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Liêu Văn D trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị P về thời gian chung sống. Anh và chị P không đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận anh và chị P có mâu thuẫn. Anh có đánh chị P nhưng không đánh vô cớ, mà nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc anh đánh chị P là do vợ chồng có mâu thuẫn về tài chính. Anh không đánh chị P vì ghen tuông hay tức giận về quá khứ của chị P. Anh vẫn còn thương chị P, muốn vợ chồng cùng chung sống và lo cho con. Anh D không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị P có 02 người con chung là Liêu Kim H3, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên anh D không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng; Liêu Nhật H1, sinh ngày 17/12/2004. Hiện các con đang sống chung với anh và chị P. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, anh đồng ý giao Liêu Nhật H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyên cấp dưỡng nuôi Liêu Nhật H1 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Nợ Ngân hàng TMCP TV số tiền 50.000.000đ vốn và khoản tiền lãi phát sinh anh không xác định được bao nhiêu tiền. Anh không nhớ thời gian vay. Chị P đã thanh toán xong nợ cho Ngân hàng vào ngày 15/4/2019.

+ Nợ chị Tăng Mỹ Dg tiền hụi chết còn phải đóng mỗi tháng 500.000 đồng. Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Dg.

+ Nợ hụi bà Ngô Thị N các chưng hụi đã hốt, nay còn phải đóng hụi chết. Anh thống nhất với ý kiến và trình bày của bà N.

+ Nợ chị Phan Hồng H (dịch vụ cầm đồ Hồng H) tiền cầm xe biển số kiểm soát 69C1-07583 (xe do Liêu Đăng K đứng tên chủ sở hữu) để vay số tiền 9.000.000đ. Chị P đã trả tiền chị H và chuộc lại xe.

Anh D xác định anh hoàn toàn không biết gì về khoản nợ hụi chị Trần Kim T1 và nợ tiền vay chị Trần Thị Thu P1. Do đó anh không đồng ý trả nợ cho chị P1 và chị T1. Đối với khoản nợ bà N và chị Dg, anh đồng ý chia đôi trách nhiệm thanh toán với chị P. Nợ chị H và nợ Ngân hàng chị P đã trả xong nên anh không có ý kiến, yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Bà Ngô Thị N tình bày: Chị Lê Thị P và anh Liêu Văn D có tham gia chơi 02 (hai) chưng hụi do bà làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở vào ngày 09/01/2017 âm lịch, hụi sẽ mãn vào tháng 6/2019 âm lịch, dây hụi gồm có 31 chưng, loại hụi 1.000.000đ/chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Chị P và anh D tham gia 01 chưng và đã hốt hụi, hốt kỳ nào bà không nhớ.

- Dây hụi thứ hai mở vào ngày 15/6/2017 âm lịch, hụi sẽ mãn vào tháng 6/2020 âm lịch, dây hụi gồm có 33 chưng, loại hụi 1.000.000đ/chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Chị P và anh D tham gia 01 chưng và đã hốt hụi, hốt kỳ nào bà không nhớ.

Tính đến ngày 19/02/2019 dương lịch, anh D và chị P đóng tiền hụi chết cho bà đầy đủ. Bà N xác định bà không yêu cầu chị P, anh D trả khoản tiền hụi chết còn lại do mỗi tháng anh D, chị P đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bà. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, bà sẽ khởi kiện sau. Bà N từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; bà N yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Chị Tăng Mỹ Dg trình bày: Chị có đứng ra chơi hụi dùm vợ chồng chị Lê Thị P, anh Liêu Văn D, dây hụi loại hụi 500.000đ, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 25 chưng. Vợ chồng anh D nhờ chị hốt hụi và chị đã hốt hụi, giao tiền hụi cho vợ chồng anh D. Tính đến ngày 19/02/2019 anh D còn phải đóng cho chị mỗi tháng 500.000đ, còn đóng 11 lần nữa mới dứt hụi. Anh D trực tiếp đóng hụi hàng tháng cho chị 500.000đ từ khi hốt hụi đến nay. Chị Dg xác định chị không yêu cầu gì liên quan đến khoản tiền hụi nêu trên vì chị và anh D tự thoả thuận được việc thanh toán nợ hụi. Chị Dg từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; chị Dg yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị, chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Chị Phan Hồng H trình bày: Năm 2018, chị có nhận cầm cố chiếc xe biển số kiểm soát 69C1-075.83 với giá 9.000.000đ. Người cầm xe là Liêu Đăng K. Tính đến ngày 19/02/2019 thì người cầm xe đóng lãi đầy đủ cho chị, hợp đồng cầm cố vẫn được duy trì. Chị H xác định chị không yêu cầu gì liên quan đến khoản nợ cầm cố xe nêu trên. Chị H từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; chị H yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị, chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Chị Trần Thị Thu P1 trình bày: Khoảng tháng 7/2018, chị có cho chị Lê Thị P mượn 2.000.000đ (hai triệu đồng), không tính lãi. Nay chị không yêu cầu chị P,

anh D trả chị số tiền trên, chị và chị P, anh D tự thoả thuận. Chị P1 từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị, chị P1 cam kết không khiếu nại gì về sau.

Chị Trần Kim T1 trình bày: Chị Lê Thị P có tham gia chơi 03 (ba) chưng hụi do chị làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây hụi mở vào ngày 06/6/2017 âm lịch gồm có 31 chưng, loại hụi 1.000.000đ/chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Chị P tham gia 01 chưng và đã hốt hụi vào kỳ thứ 8.

- Dây hụi mở vào ngày 10/6/2017 âm lịch gồm có 32 chưng, loại hụi 500.000đ/chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Chị P tham gia 01 chưng và đã hốt hụi vào kỳ thứ 4.

- Dây hụi mở vào ngày 20/12/2017 âm lịch gồm có 26 chưng, loại hụi 1.000.000đ/chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Chị P tham gia 01 chưng và đã hốt hụi vào kỳ thứ 5.

Tính đến ngày 19/02/2019 dương lịch, chị P đóng tiền hụi chết cho chị đầy đủ. Chị T1 xác định chị không yêu cầu chị P, anh D trả khoản tiền hụi chết còn lại do mỗi tháng chị P đóng tiền hụi chết đầy đủ cho chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, chị sẽ khởi kiện sau. Chị T1 từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị, chị T1 cam kết không khiếu nại gì về sau.

Anh Liêu Đăng K trình bày: Anh K có chiếc xe biển số kiểm soát 69C1-075.83 do anh đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe này ông Liêu Văn D đã cầm tại dịch vụ cầm đồ Hồng H. Anh K xác định anh không có yêu cầu gì liên quan đến chiếc xe trong vụ án mẹ anh xin ly hôn, nếu sau này có tranh chấp anh sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Anh K từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh, anh K cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đối với Ngân hàng TMCP TV: Mặc dù Toà án đã tống đạt Thông báo về việc thu lý vụ án số 224/2019/TB-TLVA ngày 28/02/2019 cho Ngân hàng TMCP TV để Ngân hàng biết và trình bày ý kiến của Ngân hàng liên quan đến khoản nợ chị P, anh D khai có nợ Ngân hàng; tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập đại diện Ngân hàng đến Toà án tham gia phiên toà xét xử vụ án đến lần thứ hai nhưng Ngân hàng vẫn vắng mặt, không gửi văn bản nêu ý kiến của Ngân hàng, cũng không có yêu cầu gì liên quan đến khoản nợ mà nguyên đơn và bị đơn khai nợ Ngân hàng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị P và anh Liêu Văn D là vợ chồng.

+ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị P và anh D về việc giao con chung của anh chị tên Liêu Nhật H1, sinh ngày 17/12/2004 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng nuôi cháu H1 1.000.000đ/tháng. Anh D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các chủ nợ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị P và anh Liêu Văn D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị P xin ly hôn và yêu cầu nuôi con. Do đó tranh chấp giữa chị P và anh D được xác định là "tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn". Anh D đang cư trú tại ấp TT, xã AX, thành phố C. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Ngân hàng TMCP TV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị N, chị Tăng Mỹ Dg, Phan Hồng H, Trần Thị Thu P1, Trần Kim T1, anh Liêu Đăng K từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, yêu cầu Toà án giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó vụ án không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, chị Dg, chị H, chị P1, chị T1 anh K và Ngân hàng TMCP TV theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Liêu Văn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Điều này được chị P và anh D thừa nhận. Thời gian chung sống, chị P xác định chị và anh D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh D thường đánh chị vô cớ. Anh D có hứa sửa đổi nhưng anh D không sửa đổi. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2000 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh D. Anh D xác định anh và chị P có phát sinh mâu thuẫn; anh D thừa nhận anh có đánh chị P nhưng không đánh vô cớ mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có mâu thuẫn về tài chính. Anh còn thương chị P nên anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu vợ chồng hàn gắn để lo cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chị P và anh D chung sống, tuy đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chị P và anh D không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị P và anh D đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy,

việc kết hôn của anh, chị là không thỏa mãn về mặt hình thức, không có giá trị pháp lý nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị P và anh D xác định anh, chị có 02 người con chung là Liêu Kim H3, sinh năm 1999, đã trưởng thành, chị P và anh D không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng; Liêu Nhật H1, sinh ngày 17/12/2004. Hiện các con đang sống chung với chị P và anh D. Chị P và anh D thỏa thuận giao Liêu Nhật H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của chị P và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Anh D phải thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Liêu Nhật H1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị P và anh D xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do các chủ nợ không ai có ý kiến yêu cầu anh D, chị P thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết tại vụ án khác.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với chiếc xe biển số kiểm soát 69C1 – 075.83, anh Liêu Đăng K không có yêu cầu gì liên quan đến chiếc xe này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[8] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P (Lê Minh P) và anh Liêu Văn D.

2 - Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị P và anh D về việc tiếp tục giao con chung tên Liêu Nhật H1, sinh ngày 17/12/2004 cho chị P trực tiếp nuôi

dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Liêu Nhật H1 đủ 18 tuổi.

Anh Liêu Văn D không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, anh D không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3 - Về tài sản chung: Chị P và anh D xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Do Ngân hàng TMCP TV, bà Ngô Thị N, chị Tăng Mỹ Dg, Phan Hồng H, Trần Thị Thu P1, Trần Kim T1 không ai có ý kiến yêu cầu anh D, chị P thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết tại vụ án khác.

5 – Về vấn đề khác: Anh Liêu Văn D không có yêu cầu gì liên quan đến chiếc xe biển số kiểm soát 69C1 – 075.83 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đ. Ngày 29/11/2018, chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 1626) được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Anh Liêu Văn D phải nộp số tiền 300.000đ (chưa nộp).

7 - Về quyền kháng cáo: Chị P, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân